

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 7 - 2021

V/v ly hôn giữa chị D và anh T

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2021, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị D, sinh năm 1995; Địa chỉ: E51, tổ 14, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: TDP T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị D và anh T vắng mặt (chị D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Lâm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau do tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu vào tháng 11 năm 2013. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống cùng nhau tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 con

chung, trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do anh T hay lơ đãng cờ bạc không chịu lo cho gia đình. Chị đã khuyên bảo và tha thứ cho anh nhiều lần, nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21 tháng 03 năm 2015; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2018, hiện con chung đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa; anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên không có lời khai trình bày thể hiện quan điểm.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T trình bày: Vợ chồng chị Lâm Thị D và anh Nguyễn Văn T có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào tháng 11/2013 tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, sau đó về thị trấn N để tổ chức báo hỷ và chung sống cùng gia đình bà được khoảng 20 ngày lại vào Vũng Tàu làm ăn ở đó và được 02 con chung sau xảy ra mâu thuẫn. Anh T bỏ lên TP Hồ Chí Minh làm ăn từ tháng 6/2020, đến tháng 7/2020 anh bị ốm mất nên về quê chung sống cùng gia đình bà, sau đi làm trên Hà Nội thi thoảng có về thăm bà. Việc chị D có đơn xin ly hôn anh T là do anh chị quyết định chứ bà chỉ biết anh chị có mâu thuẫn và anh T bỏ về quê ở với bà từ lâu anh chị sống ly thân.

Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị D xin ly hôn anh T, và các thông báo của Tòa án gửi cho anh T, bà có liên lạc với anh T và đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T nói việc đó để anh tự quyết định, hiện nay do công việc bận nên anh không đến Tòa án được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với nguyên đơn; Từ khi thụ lý vụ án, chị D thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn: Anh T vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lâm Thị D, xử cho ly hôn giữa chị Lâm Thị D và anh Nguyễn Văn T; Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21 tháng 03 năm 2015; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2018 cho chị D trực tiếp

nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị D có lời khai không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con; Về tài sản, công nợ: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

Chị Lâm Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy, việc Tòa án xét xử vắng mặt chị D là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị D và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tháng 6/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau, tháng 7/2020 anh T về quê cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị D và anh Nguyễn Văn T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị D là phù hợp.

[3] Về con chung: HĐXX xét thấy; Tại phiên tòa anh T vắng mặt, chị D vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện quan điểm yêu cầu nuôi con. Do vậy, để ổn định cuộc sống hiện tại các con đang ở cùng chị, cũng như việc học tập, chăm sóc giáo dục con chung nên giao chị D có trách nhiệm nuôi dưỡng cả 02 con là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21 tháng 03 năm 2015; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2018. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Lâm Thị D không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lâm Thị D phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lâm Thị D và anh Nguyễn Văn T.

2. Con chung: Giao chị Lâm Thị D có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21 tháng 03 năm 2015; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2018 (hiện các con đang ở cùng chị). Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Lâm Thị D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền số TU/2020/0000454 ngày 16 tháng 06 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lâm Thị D và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- UBNDTT N, huyện T, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu